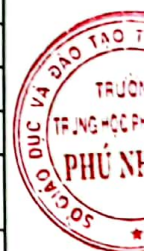


THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	47	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		-
1. 1	Phòng học kiên cố	47	1,16
1. 2	Phòng học bán kiên cố	0	-
1. 5	Số phòng học bộ môn	8	
1. 6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	
1. 7	Bình quân lớp/phòng học	54/47	
1. 8	Bình quân học sinh/lớp	44	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	13470	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học(m ²)	2726	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	542,8	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	175	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	420	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	170	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	4	
2	Khối lớp 11	4	
3	Khối lớp 12	4	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	180	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	53	
2	Amplify	47	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	



	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06		08/08		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Phú Nhuận, ngày 22 tháng 11 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

TRẦN CÔNG TUẤN

